TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠI TỪ** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Số: 61/2023/QĐST-HNGĐ	*Đại Từ, ngày 30 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC Đ□ƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 68/2023/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Ma Thị T, sinh năm 1997.

ĐKHKTT: Xóm Đ, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Anh Lục Văn T1, sinh năm 1988.

ĐKHKTT: Xóm 9, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đ- ơng sự đ- ợc ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 3 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đ- ơng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ma Thị T và anh Lục Văn T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đ- ơng sự cụ thể nh- sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị Ma Thị T và anh Lục Văn T1 nhất trí, tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị T, anh T1 có 01 con chung Lục Quang P, sinh ngày 10/5/2016.

Khi ly hôn chị T và anh T1 đã tự thỏa thuận anh T1 được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Lục Quang P, sinh ngày 10/5/2016 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, trừ trường hợp chị T và anh T1 có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác. Chị T được quyền đi lại

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị T và anh T1 tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh T1 không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị T tự nguyện chịu 150.000 đ án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ nhà nước. Được trừ 150.000 đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004235 ngày 13/3/2023 tại Chi cục THADS huyện Đại Từ. Hoàn trả chị T 150.000 đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004235 ngày 13/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đ- ơng sự;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- UBND xã;
- L- u hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Kao Hoàng